

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HS-ST
Ngày 12-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Lại

Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Lai, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh N (N Đ), sinh năm 1991 tại tỉnh L A; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp Thành Đ, xã Thành L, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: N; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị M; bị cáo có vợ nhưng không đăng ký kết hôn, đã ly hôn và 01 người con; nhân thân: ngày 10/5/2019 Công an xã Thành L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 65/QĐ-XPHC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, phạt số tiền 750.000 đồng, bị cáo nộp phạt ngày 22/11/2019; tiền sự:

- Ngày 17/4/2021 Công an xã Thành L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPHC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, phạt số tiền 750.000 đồng, chưa nộp phạt;

- Ngày 30/10/2021 Ủy ban nhân dân xã Thành L ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 04/QĐ-UBND về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn 03 tháng từ ngày 30/10/2021 – ngày 30/01/2022

Tiền án: ngày 21/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm 06 tháng tù theo bản án số 79/2019/HSST về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2020;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2022, tạm giam từ ngày 26/02/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 tại tỉnh T N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp Thành N, xã Thành L, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: N; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Hữu Th và bà Nguyễn Thị Ng; bị cáo có vợ và 02 người con; tiền án. tiền sự: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/5/2022 đến ngày 25/6/2022. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Thành T, sinh năm 1977 tại tỉnh Tây N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp Xóm Th, xã Tân Ph, huyện Tân B, tỉnh Tây N; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: N; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N; con ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo có vợ và 02 người con; tiền án. tiền sự: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/5/2022 đến ngày 25/6/2022. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn B, sinh năm 1975 tại tỉnh Tây N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp Sân B, xã Tân Ph, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: N; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị M; bị cáo có vợ và 01 người con; tiền án. tiền sự: không có; bị cáo bị áp dụng biện

pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/5/2022 đến ngày 25/6/2022.
Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: anh Lê Nhật Tr, sinh năm 1982 (có đơn vắng mặt)

HKTT: ấp An Đ, xã An B, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

Chỗ ở hiện nay: ấp Bồ L, xã Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: chị Trần Hồng H, sinh năm 1982 (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố Hiệp B, phường Hiệp N, thành phố Tây N, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 02/02/2022, Nguyễn Thành N sử dụng xe mô tô (không có biển số) đi đến vườn cao su thuộc ấp Bồ L, xã Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh của bà Trần Hồng H, sinh năm 1982, ngụ khu phố Hiệp B, phường Hiệp N, thành phố Tây N. Tại đây, do không có người trông coi nên N lấy trộm 02 máy dầu bơm nước màu đỏ, nhãn hiệu YANMAR loại SS90C và 02 đầu bơm nhãn hiệu Văn Thẻ VT-3 được gắn trên hai khung sắt, mỗi khung sắt gắn liền 02 bánh xe; 01 máy mô tơ bơm nước công suất 1.5HP. Sau khi lấy trộm được tài sản di dời ra khỏi chỗ để nhưng vẫn còn trong vườn cao su của bà Hạnh, N gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H nói các tài sản do trộm cắp mà có và kêu H cho gửi tài sản để chờ tiêu thụ, hứa hẹn sẽ cho H 02 thùng bia thì H đồng ý. Đến khoảng 01 giờ ngày 03/02/2022, N điều khiển xe mô tô không có biển số, đi một mình vận chuyển tài sản trộm được đến cất giấu phía sau nhà H. Đến sáng 04/02/2022, N gọi điện thoại cho Lê Thành T nói có hai máy dầu cũ cần bán, T rủ Nguyễn Văn B đi cùng đến nhà của H theo hướng dẫn của N. Tại đây, N có nói cho T và B biết những tài sản nêu trên là do N trộm cắp mà có nhưng vì mua được giá rẻ hơn so với thị trường nên sau khi xem máy dầu và mô tơ bơm nước thì T và B đồng ý mua. T mua 01 máy dầu và 01 đầu bơm VT3 có gắn khung sắt và bánh xe giá 3.000.000 đồng và 01 mô tơ bơm nước giá 600.000 đồng. B mua 01 máy dầu và 01 đầu bơm VT3 có gắn khung sắt và bánh xe giá 3.000.000 đồng. Đến sáng 05/02/2022, T thuê ông Nguyễn Văn S, sinh

năm 1978, ngụ ấp Sân B, xã Tân Ph, huyện Tân B, tỉnh Tây N sử dụng xe lôi máy loại ba bánh biển số 60Y5-5214 điều khiển đến nhà H, N nhờ một người đàn ông tên Vĩnh (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) phụ N khiêng các tài sản nói trên lên xe lôi. Sau đó, ông Sĩ chở số tài sản trên về nhà của T và B thuộc huyện Tân Biên. Trên đường đi về thì bị lực lượng Công an phát hiện mời ông Sĩ về trụ sở làm việc và thu hồi toàn bộ vật chứng. Đến ngày 20/02/2022 N đến Công an xã Hòa Hội đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 14/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành:

- 01 máy mô tơ bơm nước công suất 1.5HP có giá trị 767.000 đồng;
- 02 máy dầu màu đỏ, nhãn hiệu YANMAN LOẠI SS90C và 02 máy dầu bơm nhãn hiệu Văn Thê VT-3 có giá trị 7.000.000 đồng;
- 02 khung hàn sắt và 02 trục B thanh sắt tròn có tổng khối lượng 54 kg có giá trị 324.000 đồng;
- 04 bộ bánh cãm có gắn vỏ xe mô tô tổng khối lượng 32 kg có giá trị 308.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 8.399.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: các vật chứng thu giữ đã trả lại cho chủ sở hữu.

Trách nhiệm dân sự: ông Lê Nhật Tr, bà Trần Hồng H đã nhận lại tài sản mất trộm và không có yêu cầu bồi thường.

Bản Cáo trạng số 38/CT-VKSCT ngày 31 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Lê Thanh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn H tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê Thành T, Nguyễn Văn B tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Quan điểm của Viện kiểm sát: đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trong phần tranh luận giữ quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thanh N từ 02 đến 03 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Lê Thanh T, Nguyễn Văn B từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: đã trả lại cho bị hại nên không giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo N: mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo H: mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để về nuôi con và mẹ già.

Bị cáo T: bị cáo hứa không tái phạm, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo B: mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với khai của bị hại và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận khoảng 21 giờ ngày 02/02/2022, bị cáo Lê Thanh N đã lén lút lấy trộm tài sản do anh Lê Nhật Tr đang quản lý gồm: 01 máy mô tơ bơm nước công suất 1.5 HP, 02 máy dầu màu đỏ nhãn hiệu YANMAN loại SS90C, 02 máy dầu bơm nhãn hiệu Văn Thê VT-3, 02 khung hàn sắt, 02 trục B thanh sắt tròn có khối lượng 54 kg và 04 bộ bánh cãm có gắn vỏ xe mô tô khối lượng 32 kg, tổng giá trị tài sản là 8.399.000 đồng nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo H biết các tài sản trên là do bị cáo N trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý để cho bị cáo N gửi tài sản tại nhà nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Tương tự, các bị cáo T, B tuy biết rõ các tài sản do bị cáo N trộm cắp mà có nhưng vì ham giá rẻ nên vẫn mua để sử dụng nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo Lê Thành T, Nguyễn Văn B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo H, T, B còn có tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo N đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo H, T, B không có tình tiết tăng nặng.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo N đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có nhân thân xấu, có tiền án, tiền sự, sau khi chấp hành án về địa phương không cố gắng sửa đổi bản thân mà lười lao động, vì để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên cần có mức án tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo H, T, B đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên cần xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục, cải tạo. Các bị cáo không có tài sản, nghề nghiệp làm mướn nên không có thu nhập ổn định do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo.

[7] Các biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[7.1] Về xử lý vật chứng: đối với xe mô tô không biển số của bị cáo N dùng vào việc phạm tội đã bán ve chai không thu hồi được nên không xem xét xử lý. Ngoài ra không xử lý vật chứng nào khác.

[7.2] Về bồi thường thiệt hại: ghi nhận anh Lê Nhật Tr đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Ghi nhận chị Trần Hồng H không có yêu cầu bồi thường.

[7.3] Đối với số tiền 6.600.000 đồng là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu, buộc bị cáo N nộp sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 200.000 đồng mỗi bị cáo.

[9] Đối với ông Nguyễn Văn S có hành vi sử dụng xe lôi ba bánh chở tài sản do bị cáo T thuê nhưng không biết nguồn gốc các tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

[10] Đối với người tên V đã có hành vi khiêng tài sản lên xe lôi giúp bị cáo N do không xác định được nhân thân, địa chỉ nên tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/02/2022.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị cáo Lê Thành T và bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thành Long trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Lê Thành T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân

xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Thành T cho Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Phong trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Phong trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo H, T, B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Thành T và Nguyễn Văn B.

3. Các biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Về xử lý vật chứng: không có.

Về bồi thường thiệt hại: ghi nhận anh Lê Nhật Trường đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Ghi nhận chị Trần Hồng Hạnh không có yêu cầu bồi thường.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 6.600.000 đồng.

4. Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- VKSND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Nhà tạm giữ;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành;
- PV06 công an tỉnh Tây Ninh;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã;
- Bộ phận thi hành án;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu